

KHẢ NĂNG HÒA NHẬP VÀ MỨC ĐỘ ỔN ĐỊNH CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG DI DÂN TẠI ĐÔNG -TÂY NAM BỘ

PHẠM XUÂN ĐẠI

Khi đặt chân đến Việt Nam, những người nước ngoài thường nhận xét: “Đó là một cộng đồng có tính thống nhất cao; ở đó không có sự khác biệt về mặt ngôn ngữ hay trái ngược hoàn toàn về phong tục tập quán; ở đó cũng không có sự xung đột về tôn giáo, văn hóa (hiểu theo nghĩa đặc trưng cho xã hội”¹). Sự đồng nhất trên toàn di nước từ lâu đã dựa trên cơ sở của nền văn minh của nước, hiện này mâu thuẫn giai cấp, sự đối kháng giữa cộng đồng này và cộng đồng kia cũng hoàn toàn bị xóa bỏ.

Tuy nhiên, trên cái nền thống nhất cao về văn hóa của toàn xã hội đó lại tồn tại rất nhiều sự khác biệt ở cấp độ thấp hèn về khuôn mẫu ứng xử những va chạm nhỏ về quyền lợi kinh tế thiết thực hàng ngày. Dân gian có câu: Đáo giang tùy khúc, nhập gia tùy tục, chính là để nhắc nhở những sự khác biệt nhỏ bé ở khắp mọi nơi trên đất nước Việt Nam. Khi đưa người từ một khu vực này (cụ thể là đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Trung Bộ) vào một khối vực khác (Nam Bộ và Tây nguyên) chúng ta cần phải tính đến khả năng hòa nhập và mức độ ổn định của các cộng đồng di dân với các cộng đồng vốn có tại địa phương.

1. Khả năng hòa nhập.

Sự hòa nhập của các cộng đồng di cư vào các cộng đồng địa phương là một vấn đề có ý nghĩa xã hội hết sức lớn lao. Mức độ hòa nhập góp một phần không nhỏ vào việc những người di dân có trụ lại hay không trụ lại được tại các vùng quê mới. Chúng tôi nghiên cứu vấn đề trên ở các khu vực sau đây:

Khu vực thứ nhất là hợp tác xã Thống Nhất trên bờ biển tỉnh Minh Hải, một dải đất dài 2km rộng 2,5km chạy thẳng ra biển là đất của hợp tác xã không có gì chung với những cộng đồng địa phương ở sát đó. Khu vực thứ hai là nông trường cao su Lợi Hưng (công ty cao su Bình Long) tỉnh Sông Bé. Tại đây rất cả bà con mới cũng như cũ đều sống xen lên lẫn cùng chịu sự quản lý của nông trường.

a) Khi dân ở các vùng khác được điều động đến, dù muốn hay không họ cũng phải có nơi sản xuất chung một địa bàn cư trú với cộng đồng địa phương. Yếu tố này chi phối hai cộng đồng ngay từ ngày đầu và phát huy tác dụng mãi mãi

1. Paul Mus: *Les Vietnamten et kus Revolution*

b) Hoạt động mà chủ yếu là hoạt động sản xuất tùy cách thức làm ăn mà phát huy tác dụng. Tại vùng làm lúa nước Minh Hải, trong khu vực kinh tế tập thể, cả hai cộng đồng cũ và mới đều giống nhau về phương thức, tập quán canh tác. Nhưng đơn vị kinh tế ấy lại độc lập không liên hệ với nhau trong cùng một đơn vị kinh tế, không có sự chỉ huy chung trong sản xuất. Từ lâu, người dân sống ở đây tuy đất rộng không khai thác hết, thường chỉ canh tác một mùa, nhưng trong tiềm thức họ vẫn coi đây là đất của mình, hay nói khác hơn là đất đã có chủ. Họ coi những người mới đến là vào tranh ruộng đất, “cướp cơm” của họ, cho nên tuy sống chung trên một địa bàn nhưng ý thức về mảnh đất đang canh tác lại khác nhau.

Tại các công trường quốc doanh thì khác. Từ lâu ở đây đã tồn tại việc mộ phu. Dân tứ xứ, ai đến làm cũng được. Do đó hai yếu tố địa bàn cư trú và hoạt động để phát huy tác dụng. Tại đây sự xung đột giữa hai cộng đồng không cao bằng ở khu vực kinh tế tập thể nói trên.

Khi được hỏi về những va chạm với những người xung quanh ta có kết quả như sau:

Bảng 1: MỨC ĐỘ BẤT HÒA

	Câu trả lời		
	Thường xuyên	thỉnh thoảng	Không bao giờ
Minh Hải	32,5	45,0	22,5
Lợi Hưng	1,0	18,0	81,0

Bảng 2: NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN BẤT HÒA

	Câu trả lời			
	Do tranh chấp ruộng đất	Do nguyên nhân kinh tế	Do phong tục tập quán	Do những nguyên nhân khác
Minh Hải	19,1	28,9	38,8	13,2
Lợi Hưng	6,2	37,5	15,6	40,6

Qua các bảng trên ta thấy mức độ bất hòa ở Minh Hải cao hơn ở Lợi Hưng. Hợp tác xã Thống Nhất là một đơn vị kinh tế độc lập, xã viên đều là những người mới vào có một chi bộ Đảng, thậm chí có một đơn vị du kích vũ trang. Cách tổ chức này làm tăng thêm sự xa lạ giữa hai cộng đồng. Người dân ở đây cảm thấy hình như có một tổ chức đối lập áp đặt mọi thứ lên đời sống của họ. Chính quyền địa phương bao giờ cũng giành cho khu vực kinh tế tập thể những điều kiện thuận lợi: ruộng đất, khai thác hải sản tại chỗ... Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến hiềm khích ghen tỵ. Hợp tác xã khi bảo vệ quyền lợi của mình đã không thu hút, lôi cuốn được dân tại chỗ mà

vô tình càng đẩy họ ra xa khu vực kinh tế tập thể. Những công trình thủ lợi ủa hợp tác xã đem lại lợi ích rất lớn về nông nghiệp cũng như hải sản nhưng nó trở nên xa cách đối với dân tại chỗ vì những người này bị đẩy lùi ra xa ngay đến bất cứ ở đó cũng bị thu bị phạt, vì thế họ thường tìm cách ngăn trở, họ phá. Như vậy, trên một địa bàn canh tác có hai đơn vị kinh tế đối lập nhau, không có sự điều hành, chỉ huy chung về mặt sản xuất 19% bất hòa do tranh chấp ruộng đất. Sự khác nhau về phong tục tập quán cũng đã dẫn đến 38,8% xung đột.

Cơ sở kinh tế khác nhau thì những quan hệ giao tiếp cũng rất hạn chế. Người dân của mỗi khu vực chỉ quan hệ nội bộ mình hoặc với chính quyền mà thôi, 90% số người được hỏi gần như không có quan hệ gì với người dân ở đây, kể cả số thăm hỏi, chơi bời. Nó làm nảy sinh và tăng cường tính cục bộ, bản vị, kỳ thị nhau trong đời sống hàng ngày.

Trong khu vực các nông lâm trường, tình hình lại diễn ra dưới dạng khác. Đây chưa phải là khu vực sản xuất công nghiệp. Người làm cao su chưa phải là công nhân công nghiệp mà còn là công nhân nông nghiệp. Trồng cao su, chăm sóc và khai thác cao su đòi hỏi một quy trình kỹ thuật chặt chẽ. Giờ giấc phải tuân thủ nghiêm ngặt. Chất lượng ngày công được đánh giá thông qua sản phẩm nghiệm thu trong ngày. Những cái đó người nông dân chưa quen ngay được, chưa thích nghi được trong thời gian đầu. Xung quanh họ đều là những người cùng đi, cùng làm như họ. Quan hệ giữa dân cũ và dân mới chỉ theo nghĩa là vào nông trường trước hay sau mà thôi. Họ cũng rất ít quan hệ với dân bản địa, hiện tượng mâu thuẫn do tranh chấp về ruộng đất là rất nhỏ: 6,2%; do va chạm về kinh tế là 37,5% và đặc biệt là những lý do khác 40,6%.

Sự va chạm về kinh tế và những lý do khác thực chất là những mâu thuẫn với bộ máy quản lý, lãnh đạo nông trường. Đó là những con người có trình độ kỹ thuật chuyên môn trình độ quản lý. Họ trực tiếp điều hành, buộc người lao động phải tuân theo nội quy, kỷ luật lao động. Tập quán, thói quen, tác phong lao động nông nghiệp cũ như: lè mề, giờ giấc lỏng lẻo, không hạch toán... bị bắt buộc phải từ bỏ. Những người dân mới coi đó là sự đè nén, chèn ép của dân cũ đối với họ mà những người này lại do chế độ cũ để lại. Sự xung đột giữa người quản lý và người bị quản lý, có lúc lại mang thêm màu sắc chính trị vì đa số dân miền Bắc mới vào đến là những người, những gia đình có công lao trong các cuộc khác chiến.

Xét thêm trường hợp nông trường Đồng Khởi – Long Thành – Công Lý cao su Đồng Nai. Dân cư lao động ở đây biến động, trải qua bao giai đoạn hợp tan như chính quá trình thành lập nông trường vậy. Họ đã đến - ở - đi bao nhiêu nơi và cuối cùng trụ lại nơi đây. Bao gồm dân của cả ba miền Bắc – Trung – Nam, ở khá xa khu vực dân cũ, gần lỗ đất đai khai thác hết, tất cả đều theo quy định của nông trường. Song cũng như Lợi Hưng, sự va chạm do những nguyên nhân kinh tế và nguyên nhân khác rất cao. Đặc biệt, mâu thuẫn về phong tục tập quán trội hẳn lên và va chạm nhau. Một trong những nguyên nhân đưa đến sự yếu kém của nông trường này là do tính cục bộ, bè cánh của cán bộ lãnh đạo. Biện pháp chấn chỉnh nông trường của công ty là phải tăng cường kiểm tra đôn đốc, tạo điều kiện thuận lợi, v.v... Những ngày đầu của cán bộ mới về nhận công tác thật đầy rẫy khó khăn trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Tất cả những gì mà hợp tác xã Thống Nhất đã làm, những gia đình mới đã làm, đều có tác dụng cố kết họ lại với nhau tách biệt hơn đối với cộng đồng địa phương.

Nguyên nhân	Do tranh chấp ruộng đất	Do nguyên nhân kinh tế	Do phong tục tập quán	Do những nguyên nhân khác
Số %	0	35,3	41,2	23,5

Muốn hòa nhập lại, đầu tiên là phải làm theo những thói quen, tuân theo những phong tục tập quán... Điều nay đã mâu thuẫn với mục tiêu ban đầu đề ra là khu vực kinh tế tập thể phải làm tiên phong, đủ sức lôi cuốn, thúc đẩy nhanh quá trình hợp tác hóa. Hiện nay có tình trạng, để thích ứng hòa nhập được với hiện trạng địa phương, khu vực kinh tế tập thể phải lùi một bước về quan hệ sản xuất tức là từ hợp tác xuống tập đoàn sản xuất, thậm chí tập đoàn cũng chỉ còn về hình thức. Như vậy khi đưa là một tổ chức với những thiết chế rõ ràng về đất đai vào khu vực đã có định hình từ trước thì hai khu vực này dễ xung đột với nhau.

c) Đối với cộng đồng bản địa, yếu tố quan hệ huyết thống là hoàn toàn chưa có để gắn với cộng đồng mới. Họ chỉ quan hệ huyết thống với nhau thông qua con đường duy nhất là hôn nhân. Tất cả 15 cặp vợ chồng kết hôn trên vùng đất mới ở hợp tác xã Thống Nhất thì không có trường hợp nác vợ chồng là người khác miền. Thậm chí quan hệ nam nữ bình thường trong đời sống hàng ngày cũng còn rất hạn chế tuy 7 năm đã trôi qua, tại các nông lâm trường, nam nữ thanh niên cũng đến với nhau trên cơ sở là nước cùng quê, đi cùng đọt, tuy các nông lâm trường ở rất xa nhau. Tất nhiên muốn có được quan hệ huyết thống thông qua hôn nhân, cần phải loại bỏ được yếu tố kỳ thị, khinh rẻ nhau giữa các miền, các đọt đi, các vùng ở...

2. Sự ổn định.

Hai yếu tố hòa nhập, ổn định cùng đi đôi, tạo điều kiện, làm tiền đề cho nhau, không có sự tách biệt hay khác biệt về mặt thời gian giữa chúng. Nó cũng cơ ảnh hưởng rất lớn đối với nhau, bắt nguồn từ những nguyên nhân bên trong không thể dùng áp lực hay những quy định thuần túy hành chính mà thúc đẩy nó.

Ngay từ khi bắt đầu ra đi, những người dân đã có ý thức rằng sẽ đến nơi xa lạ và ở đó sự quan hệ với những người xung quanh sẽ khó khăn hơn. Đối với những người tuổi càng cao, họ đã có quá trình lâu dài gắn bó với quê hương, ít nhiều đã có tính bảo thủ thì khi chúng tôi hỏi: khi ra đi ông bà có tin rằng đến nơi mới sẽ có quan hệ tốt với những người xung quanh không? Câu trả lời: *không* tương quan với độ tuổi như sau:

- Dưới 30 tuổi: 10%; Từ 30 - tuổi: 25%; Trên:45 tuổi: 36,1%. Nếp sống quê cũ đã ăn sâu vào họ, làm cho họ có tính phòng thủ cao hơn lớp trẻ. Họ đóng kín, khó mở rộng quan hệ để hòa nhập vào cộng đồng mới. Trong thực tế, sự quan hệ qua lại, sự học hỏi cầu thị để mau chóng làm quen với môi trường mới, không coi mình là hay, là tốt so với cộng đồng cũ thì trường diễn ra nhiều hơn ở lớp trẻ. Khi được hỏi: từ khi từ nơi đây ông bà có bao giờ nghĩ đến việc chuyển đi nơi khác làm ăn sinh sống hay không? Trả lời có và kết quả như sau:

Minh Hải 20 % $\left\{ \begin{array}{l} 5\% \text{ thường xuyên} \\ 15\% \text{ thỉnh thoảng.} \end{array} \right.$

Lợi Hưng 41% $\left\{ \begin{array}{l} 16\% \text{ thường xuyên} \\ 15\% \text{ thỉnh thoảng} \end{array} \right.$

Minh Hải là nơi đã có thời gian lâu gấp sáu lần Lợi Hưng. Những người có về ra đi được thì đã ra đi. Những người ở lại trong hai hợp tác xã gom lại làm một. Con số trên cũng cho ta thấy sự chưa ổn định hoàn toàn của một cơ sở sản xuất nông nghiệp. Khi hỏi về hướng ra đi, chúng ta được kết quả như sau:

Minh Hải $\left\{ \begin{array}{l} 43,7\% \text{ về quê cũ} \\ 31,2\% \text{ đi nơi khác để sống hơn} \end{array} \right.$

Lợi Hưng $\left\{ \begin{array}{l} 43,5\% \text{ vi quê cũ} \\ 23,9\% \text{ đi nơi khác để sống hơn} \end{array} \right.$

Điều này chứng tỏ rằng, quê hương của còn thu hút họ. Họ vẫn coi nơi đây chỉ là quê hương thứ hai của họ mà thôi.

Trong hai khu vực: kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh, những ngày đầu mới lên đều được hưởng chính sách chung như nhau. Sau đó tùy vào tính chất, nhiệm vụ của đơn vị kinh tế đó mà chế độ chính sách có khác đi. Nhìn chung, đời sống dân cư đang đi dần vào ổn định. So với trước khi chuyển cư, đời sống gia đình hiện nay non kém như thế nào?

	Câu trả lời							
	Khá hơn		Như cũ		Kém hơn		Không ý kiến	
	Thống Nhất	Lợi Hưng	Thống Nhất	Lợi Hưng	Thống Nhất	Lợi Hưng	Thống Nhất	Lợi Hưng
Ăn	82,5	23,0	11,3	16,0	5,0	60,0	1,2	1,0
Mặc	30,0	12,0	32,5	30,0	33,7	56,0	3,8	2,0
Ở	7,5	5,0	16,3	18,0	72,5	68,0	3,7	2,0
Đi lại	5,0	15,0	13,8	16,0	78,7	66,0	2,5	3,0
Học hành	3,8	5,0	13,8	6,0	72,5	76,0	10,0	13,0
Y tế	0	13,0	10,0	19,0	82,5	67,5	7,5	1,0
Sinh hoạt văn hóa	0	7,0	7,5	10,0	86,3	82,0	6,2	1,0

Qua xét xét bảng trên, đầu tiên ta thấy ngay số người không ý kiến chiếm tỷ lệ rất ít, tức là người dân luôn suy nghĩ, so sánh cuộc sống hiện tại của mình với trước đây trên tất cả mọi mặt. Trong khu vực kinh tế quốc doanh, tuy mới thành lập, nhưng các nông trường đã đảm bảo được cho đời sống công nhân về những nhu cầu thiết yếu, chỉ có trên lĩnh vực văn hóa xã hội là còn yếu kém.

Tại các khu vực kinh tế tập thể, ta thấy nhu cầu về ăn đã được thỏa mãn nhiều năm nay. Nhà cửa cũng khang trang hơn nhưng nhân dân rất muốn đi khỏi vùng. Qua đó ta thấy mô hình văn hóa, ước vọng của người dân dưới chế độ mới đã thay đổi. Các nhu cầu đặt ra rất đa dạng, phong phú và đều cấp thiết. Họ không chỉ chú tâm vào ăn uống, ngay khi nhu cầu ăn cũng chưa thỏa mãn hoàn toàn thì nhu cầu về văn hóa xã hội cũng đã rất lớn và đòi hỏi phải đáp ứng. Nếu không nó gặp nên nhiều lo lắng, suy nghĩ, đặc biệt là cho thế hệ mai sau:

Người nông dân Bắc Bộ đã hưởng thành tựu cách mạng, nhất là về mặt văn hóa xã hội ba mươi năm nay. Họ dễ bị hụt hẫng, thậm chí khủng hoảng về mặt tinh thần khi đến vùng đất mới là vùng chưa có những sinh hoạt văn hóa như nơi ra đi. Khi ra đi, một trong những mong muốn là con cháu sau này không những hơn về đời sống vật chất hàng ngày mà còn phải thành đạt trên lĩnh vực xã hội nữa.

Qua nghiên cứu so sánh hai khu vực kinh tế, ta có thể rút ra mấy ý kiến sơ bộ như sau:

a) Khi đưa dân lên các vùng kinh tế mới, không nên thành lập một cộng đồng có thiết chế chặt chẽ đưa vào một cộng đồng đã ổn định và để cho hai cộng đồng nay tồn tại độc lập, không có những liên hệ với nhau nhất là về mặt sản xuất và đời sống. Dù là dân cũ hay dân mới thì cũng cần có sự chỉ huy thống nhất về kinh tế, hành chính, xã hội.

b) Tổ chức sản xuất, đời sống trên các vùng kinh tế mới sao cho người nông dân một loạt mâu thuẫn giữa các cá nhân, cá thể với tập thể.

c) Đưa dân đến các vùng kinh tế mới cũng là đưa họ vào một tổ chức, một trình độ quản lý cao hơn so với nơi đi.

Thời gian đầu, tuy đã có lương thực cung cấp nhưng cần chú ý hơn nữa về mặt tổ chức đời sống văn hóa để dân không bị ngỡ ngàng trước cuộc sống mới. Thực tế đã cho thấy họ rất hay bỏ đi trong thời gian đầu do có cảm giác bị bỏ rơi, bị “đem con bỏ chợ”.